

THE INJURY STATUS AND SOME RELATED FACTORS OF SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN LAO CAI PROVINCE 2024

Nguyen Ngoc Nghia^{1*}, Dang Duc Nhu¹, Luong Thi Phuong Lan¹, Nguyen Thi Quynh¹, Dang Hong Huong²

¹University of Medicine and Pharmacy-Viet Nam National University - 144 Xuan Thuy, Cau Giay Ward, Hanoi, Vietnam

²Van Yen health centre - Hong Phong Village, Mau A Commune, Lao Cai Province, Vietnam

Received: 30/09/2025

Revised: 03/10/2025; Accepted: 19/11/2025

ABSTRACT

Objective: Describe the incidence of injuries accidents and identify some factors related to injuries in secondary school pupil at 04 schools in Lao Cai province in 2024.

Subjects and methods: The study was conducted on 800 students at 04 secondary schools in Lao Cai province. Using cross-sectional descriptive research method, through direct interviews with pupils in October 2024.

Results: The rate of pupils with accidents and injuries in 2024 was 52,63%. Of which, the rate of pupils in the highlands accounted for 23,5%, the lowlands accounted for 29,13%. The rate of pupils with traffic accidents accounted for 18,76%, accidents at school accounted for 54,63%, accidents at home accounted for 26,6%. The rate of injuries is related pupils' knowledge, attitudes and practices and the reminders and propaganda of parents and school teachers on injury prevention with $p < 0,05$.

Conclusions: The incidence rate of accidental injuries among pupils are still high at 52,63%. Accidental injuries are related to the pupils' Knowledge, Attitude, and Practice (KAP) in injury prevention, and are also related to the education, guidance, and counseling provided by families and schools to pupils. We have to increase guidance and reminders of measures and skills to prevent injuries among pupils on a regular and continuous basis.

Key words: Pupil, Injury accident, secondary school, Lao Cai province.

*Corresponding author

Email: nghiakhnh2016@gmail.com Phone: (+84) 915958675 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3832>



THỰC TRẠNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TỈNH LÀO CAI NĂM 2024

Nguyễn Ngọc Nghĩa^{1*}, Đặng Đức Nhu¹, Lương Thị Phương Lan¹, Nguyễn Thị Quỳnh¹, Đặng Hồng Hường²

¹Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội - 144 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Trung tâm y tế khu vực Văn Yên - Thôn Hồng Phong, Xã Mậu A, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Ngày nhận bài: 30/09/2025

Ngày chỉnh sửa: 03/10/2025; Ngày duyệt đăng: 19/11/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ mắc tai nạn thương tích và một số yếu tố liên quan ở học sinh trung học cơ sở tỉnh Lào Cai năm 2024.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện trên 800 học sinh tại 04 Trường Trung học cơ sở thuộc tỉnh Lào Cai. Bằng phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang qua phỏng vấn trực tiếp học sinh tại thời điểm tháng 10 năm 2024.

Kết quả nghiên cứu: Tỷ lệ học sinh bị tai nạn thương tích năm 2024 là 52,63%. Trong đó tỷ lệ học sinh vùng cao bị TNTT chiếm 23,50%, vùng thấp bị TNTT chiếm 29,13%. Tỷ lệ học sinh mắc tai nạn giao thông chiếm 18,76%, tai nạn ở trường chiếm 54,63%, tai nạn ở nhà 26,6%. Tỷ lệ mắc tai nạn thương tích có mối liên quan với kiến thức, thái độ và thực hành của học sinh và sự nhắc nhở, tuyên truyền của cha mẹ và giáo viên nhà trường về phòng chống tai nạn thương tích với $p < 0,05$.

Kết luận: Tỷ lệ mắc tai nạn thương tích ở học sinh còn cao 52,63%. TNTT có mối liên quan với Kiến thức, Thái độ, Thực hành phòng chống TNTT của học sinh. Cần tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để cung cấp kiến thức, thực hành và kỹ năng phòng tránh TNTT cho học sinh thường xuyên.

Từ khóa: Học sinh, Tai nạn thương tích, Trường trung học cơ sở, tỉnh Lào Cai

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tai nạn thương tích (TNTT) ở trẻ em ngày một gia tăng trên toàn thế giới, nhất là ở các nước đang phát triển, gây nhiều tổn thất nặng nề về tính mạng và tài sản của người dân, và ngày càng trở thành một vấn đề y tế quan trọng. Theo thống kê của WHO, hàng năm có khoảng 5,8 triệu học sinh chết và hơn 100 triệu người bị tàn tật do thương tích, gây thiệt hại hàng ngàn tỷ USD. Thương tích gây hậu quả rất nặng nề cho trẻ em và là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong ở trẻ em và vị thành niên ở hầu hết các nước trên thế giới [1]. Tại Việt Nam, theo ước tính của UNICEF có khoảng 50.000 trẻ em dưới 16 tuổi bị chết hàng năm do tai nạn thương tích và khoảng 250.000 trẻ khác phải chịu những thương tích, tàn tật nghiêm trọng. Có nhiều nguyên nhân gây nên TNTT như: TNGT, ngã, vật nặng rơi, vật sắc nhọn đâm, ngộ độc, bỏng, ngạt

nước, điện giật, thiên tai, đuối nước...và hậu quả có thể gây nên chết người, hoặc gây tàn phế một phần hay toàn bộ cơ thể [2]. TNTT gây gánh nặng cho gia đình, nhà trường và xã hội [3]. Lào Cai là tỉnh miền núi, những năm qua tình đã quan tâm nhiều đến vấn đề tai nạn thương tích ở trẻ em xong tình trạng này vẫn gia tăng hàng năm. Qua số liệu báo cáo về TNTT năm 2023 và năm 2024 của Sở y tế đã cho thấy, toàn tỉnh hàng năm có hơn 3000 trẻ em ở độ tuổi 5-18 tuổi mắc TNTT, làm hàng nghìn em bị tàn tật và thương tích trong đó học sinh tiểu học chiếm 20%, học sinh THCS chiếm 45% và THPT chiếm 35% [4]. Nguyên nhân chính vẫn là kiến thức và thực hành phòng chống tai nạn thương tích của học sinh hàng ngày chưa tốt. Các em chưa quan tâm đến nguy cơ tai nạn có thể xảy ra vì thế vẫn còn chủ quan và coi nhẹ vấn

*Tác giả liên hệ

Email: nghiakhanh2016@gmail.com Điện thoại: (+84) 915958675 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3832>

đề này [5]. Chính vì thế, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài **“Thực trạng tai nạn thương tích và một số yếu tố liên quan ở học sinh trung học cơ sở tỉnh Lào Cai năm 2024”** với mục tiêu sau: Xác định tỷ lệ mắc tai nạn thương tích và một số yếu tố liên quan ở học sinh trung học cơ sở tỉnh Lào Cai năm 2024.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Địa điểm: Tại 04 trường Trung học cơ sở thuộc tỉnh Lào Cai (Trường THCS Mậu A, THCS Đông Cuông, THCS Lâm Giang, THCS Phong Dụ Hạ)

- Thời gian: Từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2024.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Là học sinh THCS hiện đang học tập tại các trường được chọn nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm học 2024-2025, có khả năng giao tiếp tốt.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Những học sinh bị ốm, sốt đang được điều trị tại các cơ sở y tế. Học sinh không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

- Cỡ mẫu: tính theo công thức

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{[p \times (1-p)]}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu; $Z_{1-\alpha/2}$ là hệ số tin cậy ($Z_{1-\alpha/2} = 1,96$); α là mức ý nghĩa thống kê ($\alpha = 0,05$); d là mức sai số tuyệt đối chấp nhận ($d = 0,035$); p là tỉ lệ mắc TNTT = 40% (theo nghiên cứu của Nguyễn Thúy Lan và Phạm Thị Thu Lệ (2014), tại Yên Bái (cũ) [5]. Thay vào công thức tính được $n=753$, làm tròn là 800.

- Cách chọn mẫu: Chọn mẫu chùm 2 giai đoạn:

+ Chọn trường THCS: Lập danh sách các trường THCS trong tỉnh sau đó bốc thăm ngẫu nhiên 04 Trường THCS: Mậu A, Đông Cuông, Lâm Giang và Phong Dụ Hạ. Trong đó có 02 trường thuộc vùng cao: THCS Lâm Giang và THCS Phong Dụ Hạ, 02 trường vùng thấp: THCS Mậu A và THCS Đông Cuông.

+ Chọn lớp: Mỗi trường có 4 khối lớp bao gồm khối 6,7,8 và 9. Trung bình mỗi lớp khoảng 50 học sinh. Tiến hành bốc thăm ngẫu nhiên mỗi khối 01 lớp đưa vào nghiên cứu.

+ Chọn học sinh: chọn toàn bộ học sinh của mỗi lớp (50 học sinh).

Như vậy mỗi trường chọn được 04 lớp, 04 trường là $4 \times 4 = 16$ lớp, tương đương 800 học sinh.

2.5. Biến số nghiên cứu

- Giới tính, Trường, vùng (cao, thấp), tỷ lệ mắc TNTT, địa điểm mắc TNTT, phân loại TNTT, dân tộc, kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống TNTT.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và qui trình thu thập số liệu

- Kỹ thuật thu thập số liệu: Thu thập số liệu bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp học sinh qua bộ câu hỏi đã chuẩn bị sẵn. Nội dung phỏng vấn chủ yếu về tình hình mắc TNTT trong năm 2024 và kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống TNTT của học sinh.

- Trong bộ câu hỏi có 15 câu, mỗi phần gồm 5 câu về kiến thức, 5 câu về thái độ và 5 câu về thực hành phòng chống TNTT. Tính điểm cho các câu hỏi phỏng vấn: Câu trả lời đúng tính 02 điểm, tổng số câu hỏi mỗi phần là 05 câu bằng 10 điểm. Mức độ đánh giá đạt của mỗi phần là từ 6 điểm trở lên (60%), mức độ chưa đạt có điểm số dưới 6 điểm (<60%).

2.7. Xử lý và phân tích số liệu.

Làm sạch số liệu, nhập số liệu vào phần mềm thống kê Excel và phân tích trên Stata 17.0. Ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$, tỷ suất chênh OR, khoảng tin cậy 95%, sử dụng Test kiểm định thống kê Chi bình phương (χ^2).

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Giải thích rõ mục tiêu phỏng vấn cho học sinh biết và tham gia. Được sự đồng ý của nhà trường và phụ huynh học sinh. Học sinh được tư vấn, hướng dẫn phòng tránh TNTT. Đảm bảo bí mật các nội dung đã phỏng vấn và mục đích chính là để nghiên cứu. Đề tài đã được phê duyệt theo Quyết định 285/QĐ-TTĐT ngày 28/5/2024 của Trung tâm Y tế Khu vực Văn Yên, tỉnh Lào Cai.

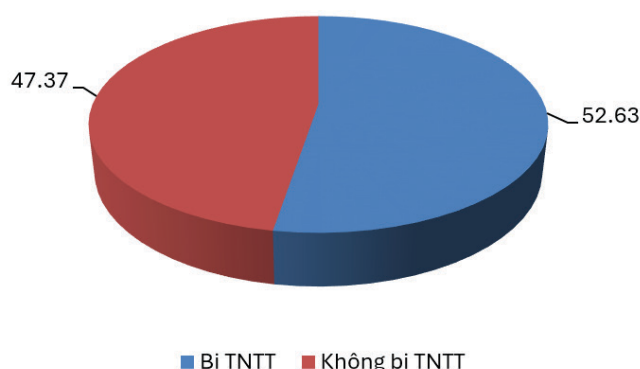
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tỷ lệ mắc tai nạn thương tích ở học sinh

Bảng 1: Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=800)

Vùng	Giới Trường	Nam		Nữ		Cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Vùng thấp	Mậu A	109	52,91	97	47,09	206	25,75
	Đông Công	117	53,18	103	46,82	220	27,50
Vùng cao	Lâm Giang	94	51,93	87	48,07	181	22,63
	P. Dụ Hạ	98	50,78	95	49,22	193	24,13
Cộng		418	52,25	382	47,75	800	100,00

Nhận xét: Số học sinh trường THCS Đông Công chiếm tỷ lệ cao nhất 27,5%, Trường THCS Lâm Giang có số học sinh tham gia thấp nhất chiếm 22,63%.



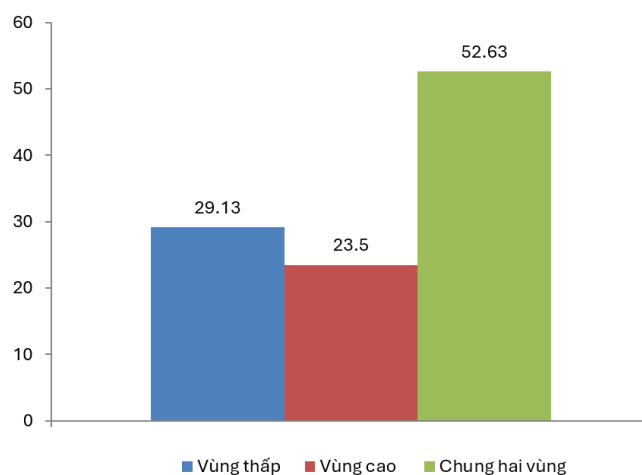
Biểu đồ 1: Tỷ lệ học sinh mắc TNTT năm 2024

Nhận xét: Số học sinh mắc tai nạn thương tích chiếm 52,63%, không mắc là 47,37%

Bảng 2. Tỷ lệ mắc tai nạn thương tích ở học sinh theo địa điểm (n=421)

Nơi mắc tai nạn thương tích	Học sinh mắc tai nạn thương tích	
	Số lượng	Tỷ lệ %
Tai nạn giao thông trên đường	79	18,76
Tai nạn thương tích ở trường	230	54,63
Tai nạn thương tích ở gia đình	112	26,60
Cộng	421	100,00

Nhận xét: Học sinh bị tai nạn thương tích ở trường chiếm tỷ lệ cao nhất 54,63%, ở nhà 26,60% và ở trên đường là 18,76%



Biểu đồ 2. Tỷ lệ mắc TNTT ở học sinh theo vùng (tỷ lệ %)

Tỷ lệ học sinh ở vùng thấp mắc TNTT chiếm tỷ lệ cao hơn vùng cao (29,13% và 23,5%)

Bảng 3. Phân loại tai nạn thương tích ở học sinh (n=421)

Phân loại	Phân loại học sinh mắc tai nạn thương tích	
	Số lượng	Tỷ lệ %
Ngộ độc ăn uống	46	10,93
Vật sắc nhọn đâm vào	143	33,97
Ngã xe đạp xe máy	80	19,00
Bạo lực học đường	39	9,26
Xúc vật cắn	28	6,65

Phân loại	Phân loại học sinh mắc tai nạn thương tích	
	Số lượng	Tỷ lệ %
Bỏng lửa	15	3,56
Thương tích khi lao động	43	10,21
Gãy chân, gãy tay, chấn thương nặng	19	4,51
Khác	8	1,90
Cộng	421	100,00

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh bị các vật sắc nhọn đâm vào người chiếm tỷ lệ cao nhất 33,97%, ngã xe đạp xe máy chiếm 19,00%. Thấp nhất là các nguyên nhân khác như va chạm nhẹ gây xây xước chân tay chiếm 1,9%.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích ở học sinh

Bảng 4. Mỗi liên quan giữa các yếu tố KAP với tỷ lệ mắc tai nạn thương tích

Yếu tố	Mức độ	Mắc TNTT		Không mắc TNTT		p, OR (95%CI)*
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Kiến thức (K)	Chưa đạt	234	57,07	176	42,93	p=0,009; OR=1,42 (1,08-1,92)
	Đạt	187	47,95	203	52,05	
Thái độ (A)	Chưa đạt	251	61,37	158	38,63	p<0,001; OR=2,03 (1,54-2,76)
	Đạt	170	43,48	221	56,52	
Thực hành (P)	Chưa đạt	283	65,51	149	34,49	p<0,001; OR=3,12; (2,34-4,27)
	Đạt	138	37,50	230	62,50	

* Test Chi bình phương

Nhận xét: Có mối liên quan giữa các yếu tố Kiến thức, Thái độ và Thực hành với tỷ lệ mắc tai nạn thương tích ở học sinh, có ý nghĩa thống kê với p<0,05.

Bảng 5. Mỗi liên quan giữa các yếu tố cá nhân với tỷ lệ mắc tai nạn thương tích

Yếu tố	Mức độ	Mắc TNTT		Không mắc TNTT		p, OR (95% CI)*
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Giới tính	Nam	211	50,48	207	49,52	p>0,05
	Nữ	210	54,97	172	45,03	

Yếu tố	Mức độ	Mắc TNTT		Không mắc TNTT		p, OR (95% CI)*
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Dân tộc	Thiểu số	207	51,36	196	48,64	p>0,05
	Kinh	214	53,90	183	46,10	
Vùng	Vùng cao	201	53,74	173	46,26	p>0,05
	Vùng thấp	220	51,64	206	48,36	
Tuyên truyền	Không được	265	61,20	168	38,80	p<0,001; OR=2,12 (1,59-2,86)
	Được	156	42,51	211	57,49	

* Test Chi bình phương

Nhận xét: Có mối liên quan giữa yếu tố học sinh được hướng dẫn, tuyên truyền về phòng chống tai nạn thương tích từ nhà trường, xã hội và gia đình, có ý nghĩa thống kê với p<0,05.

4. BÀN LUẬN

4.1. Tỷ lệ mắc tai nạn thương tích ở học sinh

Qua nghiên cứu 800 học sinh Trung học cơ sở tại 04 Trường thuộc tỉnh Lào Cai về phòng chống tai nạn thương tích đã cho thấy: Số học sinh nam tham gia nghiên cứu chiếm 52,25%, học sinh nữ chiếm 47,75%. Số học sinh ở vùng thấp chiếm 53,25% và học sinh vùng cao chiếm 46,75%. Tại biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ mắc tai nạn thương tích ở học sinh năm 2024 là 52,63%(421/800). Trong đó học sinh mắc tai nạn giao thông (trên đường đi học) chiếm 18,76%. Tai nạn thương tích ở trường chiếm 54,63% và ở nhà chiếm 26,6%. Kết quả này cao hơn so với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Thu Lành và Cs (2020), cho thấy tỷ lệ tai nạn thương tích ở học sinh THCS Kim Đồng, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng là 34,2% trong đó tai nạn giao thông chiếm 20,2%, ngã gây tổn thương cơ thể chiếm 44,5% [6]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn kết quả nghiên cứu của Hồ Văn Sơn, Võ Thị Kim Anh (2020) cho thấy TNTT ở học sinh THCS chiếm 33,8%. Trong đó tai nạn ở nhà chiếm 38,56%, ở trường 25,49%, ở ngoài đường là 26,79% [8]. Tại biểu đồ 2 cho Học sinh ở vùng thấp mắc TNTT chiếm tỷ lệ cao hơn vùng cao (29,13% và 23,5%). Như vậy, tai nạn thương tích ở học sinh THCS chiếm tỷ lệ tương đối cao và tai nạn thường xảy ra ở nhà trường và tại gia đình. Nguyên nhân chính là học sinh vẫn còn chủ quan và chưa thực sự quan tâm việc phòng tránh tai nạn cho bản thân và những người xung quanh. Bên cạnh đó nghiên cứu đã phân loại tai nạn thương tích, tỷ lệ học sinh bị các vật sắc

nhọn và chạm vào cơ thể chiếm tỷ lệ cao 33,97%, ngã xe đạp xe máy chiếm 19,0%, ngộ độc do ăn uống 10,93%, thương tích khi lao động là 10,21%... Kết quả này cũng tương đương với nghiên cứu của Trần Thị Thu Lành và Cs (2020), các vật sắc nhọn là nguyên nhân chính (36,4%) gây thương tích cho học sinh [6].

4.2. Một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích

Qua nghiên cứu đã cho thấy kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống TNTT là yếu tố có mối liên quan mật thiết với tai TNTT. Những học sinh có kiến thức, thái độ và thực hành chưa tốt thì có nguy cơ bị TNTT tăng cao hơn từ 1,4 đến 3,1 lần so với học sinh có kiến thức, thái độ, thực hành đạt, có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Kết quả này tương đương với kết quả nghiên cứu của Hồ Văn Sơn, Võ Thị Kim Anh (2020) đã chỉ ra mối liên quan giữa kiến thức, thực hành phòng chống TNTT của học sinh tiểu học và THCS với tỷ lệ mắc TNTT, có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ [8]. Qua phỏng vấn học sinh đã cho thấy học sinh chưa thực sự quan tâm đến dự phòng tai nạn thương tích. Đối với những học sinh mắc TNTT đều có kiến thức, thái độ và thực hành chưa đạt tương đối cao từ 57%-65%. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Liên Hương và Vũ Nhất Linh (2012) cũng cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành với việc tuân thủ luật an toàn giao thông, với $p < 0,05$. Nghiên cứu đã chỉ ra những học sinh tuân thủ tốt luật an toàn giao thông sẽ giảm đi 50% tai nạn thương tích [7]. Những học sinh không được hướng dẫn, tư vấn, truyền thông về các biện pháp phòng chống TNTT thì nguy cơ mắc cao hơn 2,1 lần so với những học sinh khác, với $p < 0,05$. Trong nghiên cứu này cũng cho thấy không có mối liên quan giữa TNTT với giới tính, dân tộc và vùng. Như vậy giới tính nam hay nữ, dân tộc kinh hay thiểu số, vùng cao hay thấp đều có thể mắc TNTT. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Liên Hương và Vũ Nhất Linh (2012), cho thấy kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống TNTT là yếu tố quyết định đến tỷ lệ mắc TNTT ở học sinh THCS [9].

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ mắc tai nạn thương tích ở học sinh còn cao 52,63%. TNTT có mối liên quan với Kiến thức, Thái độ, Thực hành phòng chống TNTT của học sinh và liên quan với sự giáo dục, hướng dẫn, tư vấn của gia đình và nhà trường đối với học sinh. Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để cung cấp kiến thức, thực hành và kỹ năng phòng tránh TNTT cho học sinh.

6. LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn Trung tâm y tế khu vực Văn Yên, tỉnh Lào Cai đã hỗ trợ và giúp đỡ

trong việc tiếp cận, thu thập số liệu, thông tin trên địa bàn nghiên cứu.

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Health Organization, Fourth Global Meeting of Ministry of Health Focal Points for Violence and Injury Prevention, access date 10/11/2016, 2016, at web http://www.who.int/violence_injury_prevention/media/events/vip_mohfp/en/.
- [2] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 23/QĐ-TTg về phê duyệt chương trình hành động Quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030, ngày 7/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ, 2021.
- [3] Đặng Cao Đài, Thực trạng tai nạn thương tích và một số yếu tố liên quan ở học sinh THCS An Tảo – thành phố Hưng Yên năm học 2018-2019, Luận văn thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Thăng Long năm 2019.
- [4] Sở Y tế Yên Bái (cũ), Báo cáo thống kê công tác y tế năm 2020.
- [5] Nguyễn Thúy Lan và Phạm Thị Thu Lê, “Nghiên cứu thực trạng và kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống tai nạn thương tích ở học sinh trung học phổ thông huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, năm 2011”, 2014, Tạp chí Y học dự phòng, tập 23, số 10(46).
- [6] Trần Thị Thu Lành, Nguyễn Thị Bích, Nghiên cứu thực trạng tai nạn thương tích và một số yếu tố liên quan ở học sinh trường THCS Kim Đồng, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, Vol 18, No 8, 2020, tr 78-82.
- [7] Lê Thị Hương và Nguyễn Thúy Quỳnh, “Thực trạng tai nạn thương tích của học sinh Trường Trung học cơ sở Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội”, 2018, Tạp chí Y học dự phòng, XXVIII(4), 27.
- [8] Hồ Văn Sơn, Võ Thị Kim Anh, Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích ở học sinh tiểu học và THCS tại huyện Tân Phú Đông năm 2017, (2020), Tạp chí Y học Cộng đồng số 2 (55) - tháng 3-4/2020, tr 24-29.
- [9] Nguyễn Thị Liên Hương và Vũ Nhất Linh, “Kiến thức, thái độ, thực hành về tuân thủ luật giao thông đường bộ ở học sinh Trường Trung học phổ thông thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội năm 2012”, 2012, Tạp chí Y học dự phòng, XXIII(3), 117.
- [10] Peltzer K & Pengpid S, “Nonfatal Injuries and Psychosocial Correlates among Middle School Students in Cambodia and Vietnam”, 2017, Int J Environ Res Public Health, XIV(3), 280.